

được hưởng miễn thuế và quy trình miễn thuế, quản lý đối với hàng hóa kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế theo các quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 38/2001/TT-BTC ngày 05/6/2001 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp nhà nước.

Nhằm tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc hạch toán khoản chênh lệch tỷ giá và tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 về xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

I. Sửa đổi tên gọi của Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 như sau:

“Thông tư hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp”.

II. Mục I Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 sửa đổi, bổ sung như sau:

"I. CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Các doanh nghiệp nhà nước;

b) Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999;

c) Các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, các bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là bên nước ngoài hợp doanh) trên cơ sở hợp đồng theo Luật Đầu tư nước ngoài và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện hạch toán bằng Đồng Việt Nam và khoản xử lý chênh lệch tỷ giá bắt buộc áp dụng để xác định chi phí và thu nhập chịu thuế.

Đối với các doanh nghiệp liên doanh được thành lập trên cơ sở các Hiệp định ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước ngoài, nếu Hiệp định có các quy định về xử lý chênh lệch tỷ giá khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

2. Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Ngoại tệ là loại tiền khác với Đồng Việt Nam.

2.2. Nghiệp vụ ngoại tệ là chỉ các nghiệp vụ thu chi bằng ngoại tệ, trong kết toán vãng lai và để tính giá.

2.3. Tỷ giá hối đoái là tỷ giá trao đổi giữa hai loại tiền (sau đây gọi tắt là tỷ giá).

2.4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (sau đây gọi tắt là chênh lệch tỷ giá) là chênh lệch giữa tỷ giá ghi

số kế toán với tỷ giá quy đổi tại thời điểm điều chỉnh của cùng một loại ngoại tệ.

3. Các đối tượng quy định tại điểm 1 có các nghiệp vụ ngoại tệ thực hiện hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 77/1998/TT-BTC ngày 06/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam sử dụng trong hạch toán kế toán ở doanh nghiệp.

4. Những ngoại tệ mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá quy đổi ra Đồng Việt Nam thì thống nhất quy đổi thông qua đồng Đôla Mỹ”.

III. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá chưa xử lý của khoản vay có gốc ngoại tệ phát sinh trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì xử lý như sau:

Khoản chênh lệch tỷ giá cao hơn do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản nợ có gốc ngoại tệ phát sinh từ năm tài chính 1999 trở về trước được phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cho các năm trả nợ còn lại theo kế ước vay, kể từ năm tài chính 2000 trở đi; thời gian phân bổ không quá 5 năm. Doanh nghiệp phải đăng ký với Cục Thuế địa phương việc phân bổ khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên.

Trường hợp tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiến triển tốt, doanh nghiệp có thể đề nghị với Cục Thuế địa phương để rút ngắn thời gian phân bổ.

IV. Thông tư này thay thế Thông tư số 101/2000/TT-BTC ngày 17/10/2000 của Bộ Tài chính và có hiệu lực cho việc quyết toán tài chính và quyết toán thuế từ năm tài chính 2000 trở đi (kể cả đối với các doanh nghiệp kết thúc năm tài chính

vào năm 2000). Các quy định khác tại Thông tư số 44-TC/TCDN ngày 08/7/1997 của Bộ Tài chính không trái với các quy định tại Thông tư này vẫn còn hiệu lực thi hành.

V. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 39/2001/TT-BTC ngày 05/6/2001 hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ đối ứng hợp tác Vương quốc Bỉ giai đoạn II.

Căn cứ Hiệp định đặc biệt ký ngày 07 tháng 12 năm 2000 giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Bỉ về việc giảm nợ nước ngoài của Việt Nam đối với Bỉ và tài trợ cho các dự án tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hiệp định), Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng Quỹ đối ứng hợp tác Vương quốc Bỉ tại Việt Nam giai đoạn II (sau đây gọi tắt là Quỹ đối ứng II) thành lập từ nguồn chuyển đổi nợ Bỉ theo Hiệp định như sau:

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bộ Tài chính thành lập Quỹ đối ứng II từ nguồn chi trả nợ Chính phủ Bỉ của ngân sách nhà nước.

2. Tài khoản Quỹ đối ứng II được mở tại Kho bạc nhà nước Trung ương, do Vụ Tài chính đối